

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 07 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2021
V/v: “ Chia tài sản chung sau ly
hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Đức
Ông Võ Mừng

*Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị
xã L, tỉnh Bình Thuận.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên
tòa: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.*

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ, ngày
03 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01
năm 2021 của TAND thị xã L, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, S năm 1986; Địa chỉ: Số 28 Ấp 3, xã Xuân H,
huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, S năm 1980; Địa chỉ: Khu phố 4, phường
Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày đề 16/10/2019 và lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:**

Chị Lê Thị S và anh Nguyễn Minh C đã ly hôn theo quyết định số
150/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã
L. Khi ly hôn anh, chị chưa yêu cầu giải quyết về tài sản, nay chị S yêu cầu Tòa án
giải quyết chia tài sản chung của chị và anh C gồm: Thửa đất số 59e, tờ bản đồ số
07, diện tích 100m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BB 076403 do UBND TX L cấp ngày 22/3/2010 và thửa đất số 59e, tờ bản đồ số 07, diện tích 50m² có căn nhà cấp 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 076464 do UBND TX L cấp ngày 11/5/2010 cùng mang tên người chủ sử dụng là Nguyễn Minh C và Lê Thị S. Tất cả đều tọa lạc tại khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, chị S đề nghị chia giá trị tài sản làm hai phần, chị S hưởng ½, anh C hưởng ½, chị S xin nhận bằng tiền mặt.

- **Ý kiến của bị đơn trình bày:** Anh C thừa nhận tài sản chung như chị S nêu trên, nguồn gốc tài sản do cha của anh cho hai vợ chồng anh chị, sau đó hai vợ chồng anh cùng nhau xây nhà để ở. Tài sản nhà đất, thuộc sở hữu chung của anh và chị S nhưng anh C không đồng ý chia theo yêu cầu của chị, anh muốn để lại tài sản sau này sang tên cho các con.

Tại phiên tòa:

- Chị Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung. Hiện nay chị S trực tiếp nuôi 03 người con, từ tháng 9/2019 đến nay anh C không cấp dưỡng nuôi con, chị S cần tiền để có điều kiện cho con ăn, học tốt hơn.

- Anh Nguyễn Minh C không đồng ý chia tài sản chung, anh C muốn giữ lại nhà đất sau này cho các con.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Mỗi bên đương sự sẽ được hưởng ½ giá trị tài sản như hội đồng đã định giá, giao cho anh C sở hữu hiện vật và sử dụng đất, anh C phải thanh toán tiền cho chị S.

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng xem xét thẩm định và định giá tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, tranh luận và lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng dân sự:** Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đương sự có hộ khẩu thường trú và đang S sống tại thị xã L, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Xét yêu cầu khởi kiện:**

2.1 Về tài sản chung và giá trị tài sản: Các bên cùng thừa nhận tài sản chung gồm Thừa đất số 59e, tờ bản đồ số 07, diện tích 100m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 076403 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 22/3/2010 và thừa đất số 59e, tờ bản đồ số 07, diện tích 50m² có căn nhà cấp 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 076464 do UBND TX L cấp ngày 11/5/2010, tọa lạc tại khu phố 4 phường Tân Thiện, thị xã L, Bình Thuận.

Ngày 23/6/2020 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và thành lập Hội đồng định giá tài sản các bên tranh chấp là nhà, đất nêu trên, căn nhà của anh C chỉ S có một phần diện tích xây dựng nằm ngoài giấy CNQSD. Cụ thể:

- Đất Diện tích 150m² = 420.000.000đ;
- Diện tích nhà trong giấy CNQSD 50m² = 117.000.000đ
- Diện tích nhà ngoài giấy CNQSD 32,5m² = 76.050.000đ;
- Nhà vệ S 4.34m² 6.488.300đ
- Mái che (chái tạm) phía sau 9.66m² = 784.875đ
- Mái che (chái tạm) phía trước = 27.6m² = 2.242.500đ

Tổng giá trị là **622.565.675đ**

2.2 Chia tài sản chung sau khi ly hôn: Nguyên đơn yêu cầu được hưởng ½ giá trị tài sản, tương đương 311.283.000đ và đồng ý giao nhà đất cho anh C trực tiếp sử dụng, sở hữu. Tài sản chung của anh C, chị S có được trong thời kỳ hôn nhân, chị S có nguyện vọng chia đôi giá trị tài sản chung là hoàn toàn phù hợp các quy định của pháp luật. HĐXX sẽ giao cho anh C sở hữu căn nhà, sử dụng các diện tích đất nêu trên. Anh C phải thanh toán phần giá trị chị S được hưởng theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014, và các Điều 208, 213, 219 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định, án phí và các chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Minh C và chị Lê Thị S phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản theo quy định tại Điều 156 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chị S đã nộp tạm ứng chi phí. Anh Nguyễn Minh C phải hoàn trả cho chị S ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá chị S đã nộp tạm ứng.

Anh Nguyễn Minh C và chị Lê Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L về nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228, Điều 147, Điều 156 và Điều 165, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 208, 213, 219 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị S.

2. Giao cho anh Nguyễn Minh C được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm Thửa đất số 59e, tờ bản đồ số 07, diện tích 100m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 076403 do UBND thị xã L cấp ngày 22/3/2010 và thửa đất số 59e, tờ bản đồ số 07, diện tích 50m² có căn nhà cấp 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 076464 do UBND thị xã L cấp ngày 11/5/2010, nhà và đất tọa lạc tại khu phố 4 phường Tân Thiện, thị xã L, Bình Thuận (Giá trị nhà, đất anh C được giao sử dụng, sở hữu là 622.565.675đ).

3. Anh Nguyễn Minh C có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị S phần giá trị tài sản chị S được hưởng là 311.283.000đ đồng (ba trăm mười một triệu hai trăm tám mươi ba ngàn đồng).

4 Án phí : Anh Nguyễn Minh C và chị Lê Thị S mỗi người phải chịu 15.564.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai số 0022693 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, Chị Lê Thị S còn phải nộp 3.564.000 đồng tiền án phí.

5. Chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Minh C và chị Lê Thị S mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 1.400.000đ chị S đã nộp đủ chi phí.

Anh Nguyễn Minh C phải hoàn trả cho chị S 1.400.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hoa Nga